

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số 757/QĐ-CDCNNĐ-ĐT ngày 25 tháng 9 năm 2019
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định)*

Tên ngành, nghề: Công nghệ ô tô

Mã ngành, nghề: 6510216

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

Thời gian đào tạo: 2,5 năm

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng được thiết kế nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ sở và chuyên ngành trong lĩnh vực công nghệ ô tô. Người học vận dụng các kiến thức và kỹ năng được trang bị để phân tích đánh giá tình trạng kỹ thuật của ô tô. Từ đó đưa ra các phương pháp sửa chữa, bảo dưỡng một cách khoa học, hợp lý. Thực hiện công việc sửa chữa, bảo dưỡng đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức:

- Trình bày được các nội dung cơ bản nhất về chủ nghĩa Mác - Lênin; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam; Chính sách, pháp luật của Nhà nước;
- Vận dụng được những nội dung cơ bản về Giáo dục thể chất; Giáo dục Quốc phòng - An ninh để xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;
- Có kiến thức về tiếng Anh chuyên ngành công nghệ ô tô;
- Vận dụng được kiến thức kỹ thuật cơ sở vào việc tiếp thu các kiến thức chuyên môn nghề;
- Hiểu được cấu tạo, nguyên lý làm việc của các cơ cấu, hệ thống được trang bị trên động cơ và ô tô;
- Trình bày được nguyên lý, phương pháp vận hành và phạm vi sử dụng các trang thiết bị trong sửa chữa, bảo dưỡng ô tô;

- Có kiến thức về qui trình và phương pháp tháo lắp, kiểm tra, chẩn đoán, bảo dưỡng và sửa chữa những hư hỏng của động cơ và ô tô.

1.2.2. Về kỹ năng:

- Lựa chọn đúng và sử dụng thành thạo các loại dụng cụ, thiết bị tháo, lắp, đo và kiểm tra trong lĩnh vực công nghệ ô tô;

- Thực hiện thành thạo việc tháo lắp, kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa các hư hỏng của động cơ và ô tô;

- Vận hành, kiểm tra đánh giá và chẩn đoán được tình trạng kỹ thuật của động cơ và ô tô;

- Có khả năng tiếp thu và chuyển giao công nghệ mới trong lĩnh vực ô tô;

- Có khả năng làm việc độc lập, tạo ra việc làm và biết tổ chức làm việc theo nhóm, có khả năng tự học tập, nghiên cứu hoặc học lên trình độ cao hơn thuộc phạm vi lĩnh vực chuyên môn;

- Đào tạo, bồi dưỡng được về kiến thức, kỹ năng nghề cho thợ bậc thấp hơn.

1.2.3. Về thái độ:

- Có ý thức trách nhiệm công dân; có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; có ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp;

- Có phương pháp làm việc khoa học; biết phân tích và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn chuyên ngành;

- Có tinh thần cầu tiến, có khả năng làm việc độc lập và hợp tác làm việc nhóm.

1.3. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp sinh viên có khả năng làm việc tại các vị trí sau:

- Thợ sửa chữa tại các xí nghiệp, cơ sở bảo dưỡng và sửa chữa ô tô;

- Chuyên viên kỹ thuật tại các công ty vận tải ô tô;

- Nhân viên tư vấn dịch vụ tại các đại lý bán hàng và các trung tâm dịch vụ sau bán hàng của các hãng ô tô;

- Công nhân các nhà máy sản xuất phụ tùng và lắp ráp ô tô;

- Giáo viên giảng dạy trong các cơ sở đào tạo nghề ở trình độ trung cấp và sơ cấp có cùng chuyên môn.

2. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC VÀ THỜI GIAN KHÓA HỌC

- Số lượng môn học, mô đun: 34

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 100 tín chỉ

- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 330 giờ

- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 2085 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 640 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1775 giờ

3. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

3.1. Phân bổ thời gian khóa học

Năm học	Lý thuyết, TH môn học	Thi		Nghỉ hè, lễ, tết	Khai giảng, bế giảng	Hoạt động ngoại khóa	Tổng số
		Học kỳ	Tốt nghiệp				
I	34	6		8	1	3	52
II	36	6		8		2	52
III	12	3	5	4	1	1	26
Tổng số	82	15	5	20	2	6	130

3.2. Danh mục và thời lượng các môn học/mô đun

Mã MH/ MD	Tên môn học/ mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
I. Các môn học chung (Không tính GDTC:4TC, GDQP:5TC)		17	330	132	181	17
C610010110	Giáo dục Chính trị	5	75	41	29	5
C610040110	Pháp luật	2	30	21	7	2
C614010110	Tin học	3	75	15	58	2
C611010110	Tiếng Anh	5	120	42	72	6
C616030110	Kỹ năng giao tiếp	2	30	13	15	2
II. Các môn học, mô đun chuyên môn		83	2085	508	1504	73
II.1.	Môn học, mô đun cơ sở	16	240	193	31	16
C611020810	Môi trường và con người	2	30	28	0	2
C612010110	Vẽ kỹ thuật	4	60	45	11	4
C612010210	Dung sai lắp ghép và kỹ thuật đo lường	2	30	24	4	2
C612010310	Cơ kỹ thuật	2	30	24	4	2
C612010410	Vật liệu cơ khí	2	30	24	4	2
C612010510	Kỹ thuật an toàn và bảo hộ lao động	2	30	24	4	2
C612020110	CN khí nén - Thủy lực	2	30	24	4	2
II.2.	Môn học, mô đun chuyên môn	65	1800	300	1445	55

C612020211	Kỹ thuật chung về ô tô và công nghệ sửa chữa	3	75	15	57	3
C612020311	Nguội cơ bản	2	45	15	28	2
C612020411	SCBD Cơ cấu trục khuỷu thanh truyền và bộ phận cố định.	4	105	15	86	4
C612020511	SCBD Cơ cấu phân phối khí	3	75	15	57	3
C612020611	SCBD HT Nhiên liệu động cơ xăng dùng bộ chế hòa khí	3	75	15	57	3
C612020711	SCBD HT Nhiên liệu ĐC diesel	4	105	15	86	4
C612020811	SCBD HT bôi trơn và làm mát	2	45	15	28	2
C612020911	SCBD HT khởi động và đánh lửa	4	105	15	86	4
C612021011	SCBD trang bị điện - điện tử trên ô tô	4	105	15	86	4
C612021111	SCBD hệ thống điều hòa không khí trên ô tô.	2	45	15	28	2
C612021211	SCBD hệ thống truyền động	5	120	30	85	5
C612021311	SCBD hộp số tự động trên ô tô	2	45	15	28	2
C612021411	SCBD hệ thống di chuyển	2	45	15	28	2
C612021511	SCBD hệ thống lái	2	45	15	28	2
C612021611	SCBD hệ thống phanh	3	75	15	57	3
C612021711	SCBD hệ thống phanh ABS	2	45	15	28	2
C612024111	Thực tập nghề nghiệp	4	180	0	180	0
C612021811	SCBD HT phun xăng điện tử	3	75	15	57	3
C612021911	SCBD bơm cao áp điều khiển bằng điện tử	2	45	15	28	2
C612022011	Chẩn đoán ô tô	3	75	15	57	3
C612024011	Thực tập tốt nghiệp	6	270	0	270	0
II.3.	Môn học, mô đun tự chọn (chọn 1 trong 2)	2	45	15	28	2
C612022101	SCBD mô tô - xe máy	2	45	15	28	2
C612022201	Kiểm tra và sửa chữa PAN ô tô	2	45	15	28	2
Tổng		100	2415	640	1685	90

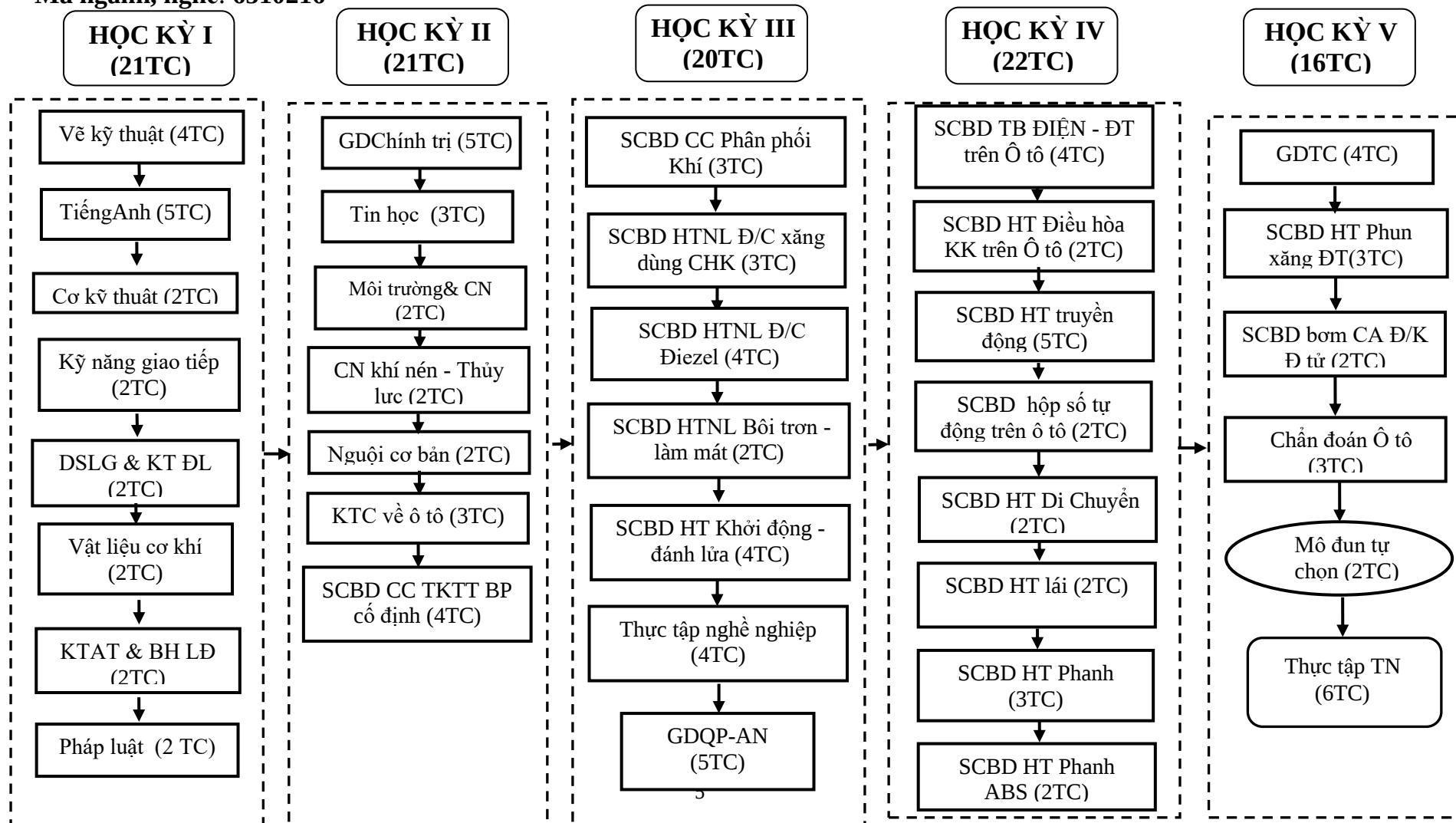
3.3. Sơ đồ tiến trình đào tạo

SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 757 /QĐ-CĐCNNĐ-ĐT ngày 25 tháng 9 năm 2019
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định)

Tên ngành, nghề: Công nghệ ô tô

Mã ngành, nghề: 6510216



4. NỘI DUNG THI TỐT NGHIỆP

TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết, vấn đáp, trắc nghiệm	Không quá 120 phút
2	Kiến thức, kỹ năng nghề		
	- Lý thuyết nghề	Viết, vấn đáp, trắc nghiệm	Không quá 180 phút
	- Thực hành nghề	Bài thi thực hành	Không quá 24 giờ
	- Hoặc mô đun tốt nghiệp (tích hợp lý thuyết với thực hành)	Bài thi lý thuyết và thực hành	Không quá 24 giờ

5. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Hình thức tổ chức đào tạo: Đào tạo theo niên chế

5.1. Đối với các đơn vị đào tạo:

- Phải nghiên cứu chương trình khung để tổ chức thực hiện đúng yêu cầu về nội dung chương trình;
- Phân công giảng viên phụ trách từng môn học/mô đun và cung cấp chương trình chi tiết cho giảng viên đảm bảo ổn định kế hoạch giảng dạy;
- Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất, để đảm bảo thực hiện tốt chương trình;

5.2. Đối với giảng viên:

- Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều đơn vị môn học/mô đun cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết môn học/mô đun để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp;
- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho sinh viên trước một tuần để sinh viên chuẩn bị trước khi lên lớp;
- Tổ chức cho sinh viên các buổi thực hành, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận, đồ án, giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ, thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp, tại phòng thực hành và hướng dẫn sinh viên viết thu hoạch.

5.3. Đối với công tác kiểm tra, đánh giá:

- Hình thức kiểm tra hết môn học, mô đun: Viết, vấn đáp, trắc nghiệm, thực hành.
- Thời gian kiểm tra :
 - + Lý thuyết : không quá 120 phút
 - + Thực hành : không quá 8 giờ
- Thời gian kiểm tra của các mô đun được tích hợp giữa lý thuyết và thực hành và được tính vào thời giờ thực hành.

5.4. Đối với sinh viên:

- Phải nghiên cứu chương trình học tập trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng;
- Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng;
- Tự giác trong khâu tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi thực hành nhóm;
- Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng internet và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu;
- Thực hiện nghiêm túc quy chế thi, kiểm tra, đánh giá.

KHOA CƠ KHÍ VÀ DL P. HIỆU TRƯỞNG PHỤ TRÁCH

Đã ký

Chu Hữu Đạt

TS. Nguyễn Duy Phần